

Quyết định số: 22/2019/HS-GĐT
Ngày 22 tháng 7 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
gồm có :**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn
Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Nguyễn Xuân Tình
Ông Nguyễn Vinh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

- Ông Lê Tư Quỳnh - Kiểm sát viên cao cấp.
- Ông Hoàng Minh Thành- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Nguyễn Xuân Ng sinh năm 1984; trú tại: Thôn X, xã G, huyện Q, tỉnh T; con ông Nguyễn Xuân L và bà Trần Thị N; có vợ và 03 con; Tiền án: ngày 16/6/2015, Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 05 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/12/2015 đến ngày 15/12/2015 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Đặng Đình D, Nguyễn Viết Q, Nguyễn ND, Trương Văn L đều bị kết án về tội “Đánh bạc”).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 17/3/2015, Nguyễn Xuân N và đồng phạm có hành vi đánh bạc với tổng số tiền là 3.520.000 đồng. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2015/HSST ngày 16/6/2015, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xử phạt Nguyễn Xuân N 05 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng .

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 09/12/2015, Nguyễn Xuân N cùng Đặng Đình D, Nguyễn Viết Q, Nguyễn ND, Trương Văn L lại có hành vi đánh bạc trái phép

với tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 5.230.000 đồng tại gia đình Đặng Đình D thuộc thôn I, xã G, huyện Q, tỉnh T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2016/HSST ngày 17/3/2016, Tòa án nhân dân huyện Q áp dụng các khoản 1, 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 20; Điều 33; khoản 5 Điều 60; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Xuân N 05 tháng tù về tội “Đánh bạc”; tổng hợp với hình phạt 05 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2015/HSST ngày 16/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Q, buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 10 tháng tù, trừ 12 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 09 tháng 18 ngày tù. Phạt tiền bị cáo Ngọc 3.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo còn lại; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại Công văn số 18/TB/VKSQX ngày 21/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q về việc thông báo tình hình chấp hành án của Nguyễn Xuân N xác định: Hiện tại, Tòa án nhân dân huyện Q chưa ra Quyết định thi hành án nên Nguyễn Xuân N chưa đi chấp hành án.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/QĐ-VC1-HS ngày 29/3/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T về phần tổng hợp hình phạt. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q theo hướng: bỏ phần tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân N. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân N được miễn chấp hành hình phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2015/HSST ngày 16/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Q.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận Kháng nghị số 14/QĐ-VC1-HS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 thì hành vi đánh bạc với số tiền từ 2 triệu đồng trở lên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “đánh bạc” (nếu không có yếu tố cấu thành khác).

[2] Theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 thì hành vi đánh bạc với số tiền phải từ 5 triệu đồng trở lên mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “đánh bạc” (nếu không có yếu tố cấu thành khác).

[3] Như vậy, Bộ luật hình sự 2015 có thay đổi về yếu tố cấu thành tội phạm đối với tội đánh bạc, theo đó hành vi đánh bạc với số tiền từ 2 triệu đồng đến dưới 5 triệu đồng theo quy định Bộ luật hình sự năm 1999 là tội phạm nhưng theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 không phải là tội phạm (nếu không có yếu tố cấu thành khác).

[4] Chính sách hình sự đối với việc xử lý hành vi đánh bạc dưới 05 triệu đồng xảy ra trước ngày 09/12/2015 (ngày công bố Bộ luật hình sự 2015) được quy định tại các văn bản với nội dung cụ thể như sau:

[5] Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1: “Kể từ ngày Bộ luật hình sự năm 2015 được công bố (ngày 09/12/2015), không xử lý về hình sự đối với người thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự năm 1999 quy định là tội phạm nhưng Bộ luật hình sự năm 2015 không quy định là tội phạm, ... Nếu vụ án đã được khởi tố, đang điều tra, truy tố, xét xử thì phải đình chỉ; trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt hoặc đang được tạm đình chỉ thi hành án, thì được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại; trường hợp người bị kết án chưa chấp hành hình phạt hoặc đang được hoãn thi hành án, thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt”

[6] Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1: “Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2016, thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật Hình sự; tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 1 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết số 109/2015/QH13”.

[7] Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 6: “Đối với các trường hợp người thực hiện hành vi mà theo quy định của Bộ luật hình sự 1999 là tội phạm nhưng theo quy định của Bộ luật hình sự 2015 thì hành vi đó chưa cấu thành tội phạm do có bổ sung, thay đổi các yếu tố cấu thành tội phạm đó, nếu vụ án đang trong giai đoạn xét xử thì Tòa án phải mở phiên tòa và căn cứ vào Điều 25 Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2009/QH12) miễn trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội; trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt hoặc đang được tạm đình chỉ thi hành án thì được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại; trường hợp người bị kết án chưa chấp hành hình phạt hoặc đang được hoãn thi hành án thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.

[8] Những người đã chấp hành xong hình phạt, được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt hoặc hình phạt còn lại thì đương nhiên được xóa án tích.

[9] Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt ra quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại đối với trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang thi hành án treo”

[10] Công văn số 327/TANDTC-PC ngày 07/11/2016 hướng dẫn các Tòa án nhân dân các cấp: “...4. Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2016, Thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật hình sự; tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 1 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết số 109/2015/QH13”.

[11] Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2: “Kể từ ngày Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số

điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi là Luật số 12/2017/QH14) được công bố, tiếp tục thực hiện quy định không xử lý về hình sự đối với người thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định là tội phạm nhưng Bộ luật Hình sự năm 2015 không quy định là tội phạm, bao gồm.... hành vi theo Bộ luật Hình sự năm 1999 (được hướng dẫn thi hành trong các văn bản quy phạm pháp luật) là tội phạm nhưng do có sửa đổi, bổ sung, thay đổi các yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi đó không cấu thành tội phạm nữa. Nếu vụ án đã khởi tố, đang điều tra, truy tố, xét xử thì phải đình chỉ; trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt hoặc đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt thì được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại; trường hợp người bị kết án chưa chấp hành hình phạt hoặc đang được hoãn chấp hành hình phạt thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt”

[12] Như vậy, kể từ ngày 09/12/2015, người đã bị kết án trước ngày 09/12/2015 về hành vi đánh bạc dưới 5 triệu đồng thì được miễn chấp hành đối với hình phạt đã tuyên về hành vi này và đương nhiên được xóa án tích.

[13] Căn cứ các quy định nêu trên, thấy rằng: Hành vi phạm tội đánh bạc với số tiền 5.230.000 đồng của bị cáo Nguyễn Xuân N diễn ra ngày 09/12/2015 (đúng ngày công bố Bộ luật hình sự 2015) và hành vi này được Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm vào ngày 17/3/2016 (sau khi công bố Bộ luật hình sự 2015 và sau khi đã có Nghị quyết số 109/2015/QH13). Do đó, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới và tại thời điểm xét xử, bị cáo N đã thuộc trường hợp được miễn chấp hành hình phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2015/HSST ngày 16/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T.

[14] Tuy nhiên, khi xét xử đối với Nguyễn Xuân N về hành vi phạm tội đánh bạc diễn ra ngày 09/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt N 05 tháng tù về tội đánh bạc, sau đó lại tổng hợp với hình phạt 05 tháng tù đã tuyên đối với N tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2015/HSST ngày 16/6/2015, có nghĩa đã buộc bị cáo N phải chấp hành cả hình phạt đã tuyên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2015/HSST ngày 16/6/2015 là không đúng với chính sách hình sự và quy định tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 109/2015/QH13, Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội và Nghị Quyết số 01/2016/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo Nguyễn Xuân N.

[15] Do đó, cần hủy phần tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân N tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T và đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh T ra quyết định miễn chấp hành hình phạt đối với bị cáo N tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2015/HSST ngày 16/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 388; Điều 393 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 3 Điều

7; Điều 321 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 109/2015/QH13, Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội và Nghị Quyết số 01/2016/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T; hủy phần tổng hợp hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2016/HSST nêu trên đối với bị cáo Nguyễn Xuân N.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2016/HSST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tĩnh Nguyễn Vinh Quang

Trần Văn Tuấn